|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TƯ PHÁP  **CỤC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**  Số: /TTr-TGPL | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

TỜ TRÌNH

**Về dự thảo Thông tư ban hành mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý**

Kính gửi: Bộ trưởng Lê Thành Long

Thực hiện Kế hoạch công tác năm 2020 đã được Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt tại Quyết định số 230/QĐ-BTP ngày 24/02/2020, Cục Trợ giúp pháp lý đã nghiên cứu xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV ngày 23/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV), Cục Trợ giúp pháp lý kính trình Bộ trưởng dự thảo Thông tư như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ**

*Thứ nhất*, Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV không còn phù hợp với quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng trợ giúp pháp lý. Cụ thể:

- Theo quy định tại Điều 19 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 thì các điều kiện để bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý không yêu cầu: (1) có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và (2) có thời gian làm công tác pháp luật từ 02 năm trở lên kể cả thời gian tập sự, thử việc. Tuy nhiên, điểm d khoản 2 và điểm e khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV đang có quy định tiêu chuẩn này.

- Theo quy định tại Thông tư số 12/2018/TT-BTP, đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý là nhiệm vụ của Sở Tư pháp, Cục Trợ giúp pháp lý nhưng Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV đang có quy định trợ giúp viên pháp lý hạng II và trợ giúp viên pháp lý hạng III có nhiệm vụ tham gia đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.

*Thứ hai*, qua 04 năm thực hiện Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV cho thấy một số tiêu chuẩn của trợ giúp viên pháp lý hạng II và trợ giúp viên pháp lý hạng III không phù hợp với tính chất hoạt động nghề nghiệp của hoạt động trợ giúp pháp lý. Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, việc này đòi hỏi người thực hiện trợ giúp pháp lý cần có kiến thức về pháp luật nội dung, đặc biệt là các kỹ năng hành nghề như kỹ năng tư vấn pháp luật, kỹ năng tham gia bào chữa hoặc đại diện trước tòa, kỹ năng tranh tụng, am hiểu về tâm lý của người được trợ giúp pháp lý. Do đó, một số yêu cầu về khả năng nghiên cứu khoa học, có trình độ ngoại ngữ, tin học chưa thật sự cần thiết đối với việc cung cấp dịch vụ pháp lý cho người nghèo và các đối tượng chính sách.

Trong 10 năm qua (từ khi thực hiện Thông tư số [06/2010/TT-BNV)](http://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=06/2010/TT-BNV&match=True&area=2&lan=1&bday=26/7/2010&eday=26/7/2010) đến nay đã có hơn 600 viên chức được bổ nhiệm và xếp vào chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp pháp lý (gần 60 trợ giúp viên pháp lý hạng II và tương đương, gần 600 trợ giúp viên pháp lý hạng III và tương đương). Thời gian tới, số lượng trợ giúp viên pháp lý hạng II sẽ tăng lên khi có các kỳ thi thăng hạng. Qua quá trình công tác, trợ giúp viên pháp lý hạng II sẽ tích lũy nhiều kiến thức, kinh nghiệm và sẽ đảm đương một số nhiệm vụ đòi hỏi có trình độ chuyên môn cao hơn với vai trò chỉ đạo, tổ chức và một số nhiệm vụ có tính chất phức tạp hơn như: thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý, tham mưu cho Trung tâm trợ giúp pháp lý kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến giải quyết vụ việc trợ giúp pháp lý, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý… Do đó, đặt ra yêu cầu xây dựng chức danh nghề nghiệp hạng I đối với trợ giúp viên pháp lý.

Theo Công văn số 11281/VPCP-PL ngày 20/11/2018 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình về rà soát văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm phù hợp với Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 trong đó Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV thuộc danh mục phải thay thế.

Theo khoản 18 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thì: *Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành có nhiệm vụ ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với các chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc ngành, lĩnh vực quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ*.

*Thứ ba,* ngày 25/9/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thay thế Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012, trong đó quy định nhiệm vụ và quyền hạn của các bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành và nhiệm vụ quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG THÔNG TƯ**

1. Việc xây dựng Thông tư bảo đảm yêu cầu phát triển đội ngũ trợ giúp viên pháp lý đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có đủ năng lực, trình độ chuyên môn để đáp ứng kịp thời nhu cầu trợ giúp pháp lý ngày càng đa dạng, phức tạp của nhân dân, bảo đảm chất lượng, hiệu quả của công tác trợ giúp pháp lý.

2. Việc ban hành Thông tư phải phù hợp với Luật Viên chức, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, Nghị định số 115/2012/NĐ-CP, Thông tư số 12/2012/TT-BNV, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, tạo cơ sở pháp lý cụ thể, thuận lợi cho việc thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước đối với viên chức trợ giúp pháp lý.

3. Quy định các tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của các chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý phù hợp với quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành, kế thừa những quy định còn phù hợp của Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV.

4. Các chứng chỉ, bằng cấp phải thực sự phục vụ công tác chuyên môn, mang tính khả thi, tháo gỡ khó khăn cho việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hoặc thăng hạng trợ giúp viên pháp lý tại các địa phương.

5. Quy định về nhiệm vụ của các chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý phải phù hợp với đặc thù công việc của viên chức, cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG**

Trong quá trình xây dựng, Cục Trợ giúp pháp lý đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các hoạt động sau đây:

1. Đánh giá thực trạng triển khai Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc của các Trung tâm trợ giúp pháp lý trong quá trình triển khai thi hành và các nội dung đề xuất của địa phương đối với dự thảo Thông tư.

2. Thành lập Tổ soạn thảo Thông tư và tổ chức 02 cuộc họp Tổ soạn thảo.

3. Tổ chức Hội nghị góp ý dự thảo Thông tư.

4. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Trung tâm trợ giúp pháp lý các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan về nội dung dự thảo Thông tư.

5. Đăng tải dự thảo Thông tư trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tư pháp theo quy định.

6. Ngày ........, Bộ Tư pháp đã tổ chức thẩm định dự thảo Thông tư.

Trên cơ sở báo cáo thẩm định số ..../BC-VĐCXDPL ngày ......... của Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Cục Trợ giúp pháp lý chỉnh lý dự thảo Thông tư và các tài liệu kèm theo trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký ban hành.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ**

**1. Bố cục của Thông tư**

Dự thảo Thông tư gồm 4 chương, 11 Điều. Chương I quy định về Những quy định chung, chương II quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, chương III hướng dẫn bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp, chương IV về Điều khoản thi hành.

**2. Những nội dung cơ bản của Thông tư**

*2.1. Phân hạng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý (Điều 2)*

Dự thảo Thông tư bổ sung trợ giúp viên pháp lý hạng I và kế thừa 2 hạng theo Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV.

*2.2. Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của viên chức trợ giúp viên pháp lý (Điều 3)*

Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của viên chức trợ giúp viên pháp lý kế thừa Điều 3 Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV.

*2.3. Về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học*

Từ những bất cập trong quy định về yêu cầu trình độ đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ và tin học của viên chức nói chung và trợ giúp viên nói riêng, đồng thời tham khảo một số Thông tư của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành trong năm 2020 quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành giáo dục (Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT ngày 01/10/2020), dự thảo Thông tư không quy định tiêu chuẩn cụ thể về trình độ ngoại ngữ, tin học đối với trợ giúp viên pháp lý. Tuy nhiên, mỗi viên chức trợ giúp viên pháp lý đều phải bảo đảm năng lực để đáp ứng nhiệm vụ của chức danh mình đang giữ, do đó, dự thảo Thông tư quy định theo hướng mỗi chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý phải có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh mình được bổ nhiệm.

*2.4. Tiêu chuẩn chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng I (Điều 4)*

Tiêu chuẩn này được xây dựng mới theo hướng đây là hạng cao nhất trong hệ thống chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý, cụ thể:

- Về nhiệm vụ (khoản 1 Điều 4) dự thảo Thông tư quy định trợ giúp viên pháp lý hạng I có nhiệm vụ chủ trì, tổ chức thực hiện một số công việc và trực tiếp thực hiện những nhiệm vụ có tính chuyên môn cao như:Thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý do trợ giúp viên pháp lý hạng II, trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác thực hiện; Tổ chức rà soát, nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý; tham mưu cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề có liên quan đến quan việc giải quyết vụ việc trợ giúp pháp lý.

- Về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (khoản 2 Điều 4): dự thảo Thông tư quy định các tiêu chuẩn bắt buộc đối với việc bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý nói chung; yêu cầu có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng I.

- Về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (khoản 3 Điều 4): dự thảo Thông tư quy định 07 tiêu chuẩn về năng lực thể hiện khả năng hiểu biết sâu hơn, rộng hơn, năng lực thực hiện nhiệm vụ của chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng I cao hơn so với chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II để bảo đảm đảm nhận nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp pháp lý cao nhất. Khoản 3 Điều 4 yêu cầu trợ giúp viên pháp lý hạng I thực hiện ít nhất 02 vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng thành công. Quy định mới này thể hiện khả năng, năng lực chuyên môn cao của trợ giúp viên pháp lý hạng I.

Về thời gian công tác, dự thảo quy định viên chức thăng hạng từ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II lên chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng I phải có thời gian giữ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II hoặc tương đương tối thiểu đủ 06 (sáu) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II tối thiểu đủ 01 (một) năm.

*2.5. Tiêu chuẩn chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II (Điều 5)*

Về cơ bản, quy định trong dự thảo Thông tư kế thừa nội dung của Điều 4 Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV, có sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, các văn bản hướng dẫn thi hành và tính chất công việc trợ giúp pháp lý.

- Về nhiệm vụ (khoản 1 Điều 5), nội dung này trong dự thảo Thông tư kế thừa 06 nhóm nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV, thể hiện tính chuyên môn hoá sâu hơn, yêu cầu cao hơn và mức độ phức tạp hơn so với trợ giúp viên pháp lý hạng III. Theo quy định tại Thông tư số 12/2018/TT-BTP thì đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý là nhiệm vụ của Cục Trợ giúp pháp lý và Sở Tư pháp và tính chất của hoạt động trợ giúp pháp lý là cung cấp dịch vụ công, không đòi hỏi người cung cấp dịch vụ có nhiệm vụ nghiên cứu khoa học nên quy định này đã lược bỏ 02 nhiệm vụ: (1) Tổ chức đánh giá, giám sát và tham gia đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý được phân công; hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá chất lượng vụ việc cho trợ giúp viên pháp lý hạng III và những người được phân công đánh giá chất lượng khác theo quy định; (2) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn thực hiện trợ giúp pháp lý và đề xuất các giải pháp đổi mới nâng cao chất lượng công tác trợ giúp pháp lý, đồng thời bổ sung nhiệm vụ *“thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý của trợ giúp viên pháp lý hạng II, trợ giúp viên pháp lý hạng III và người thực hiện trợ giúp pháp lý khác theo phân công)*.

- Về tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (khoản 2 Điều 5): dự thảo Thông tư kế thừa tiêu chuẩn có bằng cử nhân luật trở lên, điều này bổ sung 02 tiêu chuẩn (1) có chứng chỉ đào tạo nghề luật sư hoặc thuộc trường hợp được miễn đào tạo nghề luật sư (2) có giấy chứng nhận kết quả tập sự luật sư hoặc kiểm tra tập sự trợ giúp pháp lý để phù hợp với Điều 19 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. Đồng thời, tiêu chuẩn *“có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý”* được thay thế bằng tiêu chuẩn *“có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng II”.*

- Về tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (khoản 3 Điều 5): dự thảo quy định 06 tiêu chuẩn về năng lực thể hiện khả năng hiểu biết sâu hơn, rộng hơn, năng lực thực hiện nhiệm vụ của chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II cao hơn so với chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III. Tương ứng với quy định về nhiệm vụ, điều này đã lược bỏ tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu khoa học và đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý. Khoản 4 Điều 5 bổ sung yêu cầu trợ giúp viên pháp lý hạng II thực hiện ít nhất 01 vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng thành công.

Về thời gian công tác, dự thảo quy định viên chức thăng hạng từ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III lên chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II phải có thời gian giữ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III hoặc tương đương tối thiểu đủ 09 (chín) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III tối thiểu đủ 01 (một) năm.

*2.4. Tiêu chuẩn chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III (Điều 6)*

Quy định của Điều 6 dự thảo kế thừa những nội dung còn phù hợp của Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV, có một số nội dung sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

- Về nhiệm vụ (khoản 1 Điều 6), quy định 04 nhóm nhiệm vụ phù hợp với chức trách của chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng III trong việc trực tiếp thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý được phân công, thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và các nhiệm vụ khác theo phân công. Tương tự như nhiệm vụ của trợ giúp viên pháp lý hạng II, điều này lược bỏ quy định về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý để phù hợp với Thông tư 12/2018/TT-BTP và tính chất nghề nghiệp trợ giúp pháp lý.

- Về tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (khoản 2 Điều 6): quy định 03 tiêu chuẩn, trong đó kế thừa tiêu chuẩn có bằng cử nhân luật trở lên; bỏ quy định về trình độ ngoại ngữ và trình độ tin học. Ngoài ra, điều này bổ sung 02 tiêu chuẩn (1) có chứng chỉ đào tạo nghề luật sư hoặc thuộc trường hợp được miễn đào tạo nghề luật sư (2) có giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự luật sư hoặc kiểm tra tập sự trợ giúp pháp lý và không quy định tiêu chuẩn “có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý” để phù hợp với Điều 19 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.

- Về tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (khoản 3 Điều 6): quy định kế thừa 04 tiêu chuẩn tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV và bỏ quy định về năng lực đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý và nghiên cứu khoa học tương ứng với quy định về nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp này.

*2.5. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý (Điều 8)*

Thực tế ở địa phương, còn một số trường hợp viên chức đã được bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý nhưng địa phương chưa thực hiện việc chuyển xếp vào chức danh nghề nghiệp theo Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV, do đó dẫn đến tình trạng không đủ điều kiện thi thăng hạng trợ giúp viên pháp lý. Ngoài ra, một số trợ giúp viên pháp lý giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương nhưng chưa chuyển xếp vào ngạch trợ giúp viên pháp lý chính theo quy định tại Thông tư liên tịch số 23/2011/TTLT-BTP-BNV ngày 08/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ nên chưa bổ nhiệm vào chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV. Để giải quyết tồn tại này dự thảo Thông tư quy định các trường hợp đã bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý theo Nghị định số 07/2007/NĐ-CP hoặc đã được chuyển xếp vào ngạch trợ giúp viên pháp lý chính, trợ giúp viên pháp lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 23/2011/TTLT-BTP-BNV hoặc các viên chức đang giữ ngạch chuyên viên hoặc chuyên viên chính được bổ nhiệm vào các chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư này. Cụ thể:

1. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng I (mã số………) đối với người đã hoặc đang giữ ngạch chuyên viên cao cấp (mã số 01.001) hoặc tương đương.

2. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng II (mã số V02.01.01) đối với người đã hoặc đang giữ ngạch trợ giúp viên pháp lý chính (mã số 03.289) và người đã hoặc đang giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương.

3. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng III (mã số V02.01.02) đối với người đã hoặc đang giữ ngạch trợ giúp viên pháp lý (mã số 03.290) và người đã hoặc đang giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương.

*2.5. Cách xếp lương (Điều 9)*

Điều này bổ sung quy định về xếp lương đối với trợ giúp viên pháp lý hạng I, cụ thể: chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý hạng I được áp dụng hệ số lương viên chức loại A3, nhóm A3.1. (từ hệ số lương từ 6.20 đến hệ số lương 8.00).

*2.6. Tổ chức thực hiện (Điều 10)*

Điều này giao trách nhiệm cho Bộ Tư pháp phù hợp với quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Ngoài ra, dự thảo Thông tưcòn quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1); hiệu lực và trách nhiệm thi hành (Điều 11) giao trách nhiệm cho cơ quan, cá nhân, tổ chức có liên quan và quy định Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thứ trưởng Mai Lương Khôi (để báo cáo);  - Các Phó Cục trưởng (để biết);  - Lưu VT, CS&QLNV. | **CỤC TRƯỞNG**  **Cù Thu Anh** |